**III. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC PHÁP LÝ MẠNH MẼ**

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của hiến pháp và pháp luật trong quản lý xã hội. đieuf này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* do Người ký tên là Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Versaille năm 1919. Bản yêu sách đó đưa ra yêu cầu: “ cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người Châu Âu; xoá bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam; “thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”. Trong *Việt Nam yêu cầu ca,* một bài thơ diễn ca ra văn vần tiếng Việt bản yêu sách đó có những câu: “Hai xin phép luật sửa sang, Người Tây, người Việt hai phương cùng đồng, …. Bảy xin hiến pháp ban hành, Trăm đề phải có thần linh pháp quyền” Sau này, khi trở thành người đứng đầu nhà nước Vệt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc xây dựng và điều hành nhà nước một cách có hiệu quả bằng pháp quyền.

Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được Hồ Chí Minh chú ý xây dựng thể hiện trên những điểm sau đây:

**1. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến** Chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập quốc hội rồi từ đó lập ra chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của nhà nước mới. Có được một nhà nước hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng Minh, mới có một quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ một nhà nước pháp quyền hiện đại. Cuộc tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6 – 1 – 1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Và, lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam, nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo…đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc Hội. Ngày 2 – 3 – 1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ơ nước ta.

**2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào**  
**cuộc sống**

Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp – Đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản hiến pháp năm 1946 và 1959 đã để lại những dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của nhà nước mới. Song, có hiến pháp và pháp luật rồi nhưng không đưa được vào trong cuộc sống thì xã hội cũng sẽ bị rối loạn. Dân chủ đích thực bao giờ cũng di liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi hiến pháp và pháp luật. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Các cơ quan của nhà nước phải gương mẫu chấp hành một cách nghiêm chỉnh hiến pháp và pháp luật. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lới ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh. “ thần linh pháp quyền” là sức mạnh do con người và vì con người. Do vậy, Hồ Chí Minh bao giờ cũng đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ

Làm tốt nghĩa vụ công dân cũng tức là thực hiện nghĩa vụ của mình đói với nhà nước, biết thực hành dân chủ. Trong việc thực thi hiến pháp và pháp luật, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chú ý bảo đảm tính nghiêm minh và hiệu lực của chúng. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi luật pháp trở thành cán cân công lý đối với tất cả mọi người, không có một trường hợp ngoại lệ nào; bất kỳ ai vi phạm pháp luật cũng đều bị trừng trị nghiêm khắc, đúng người, đúng tội.

**Phân tích quan niệm của Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền và nêu ý nghĩa của quan niệm đó đối với việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay?**

***a. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ***

Tư tưởng về một nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ là giá trị đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó thể hiện ở một số nội dung chính sau đây:

*a1. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến*

- Ngay sau khi giành chính quyền, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới ***khai sinh*** nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhờ đó, Chính phủ lâm thời có địa vị hợp pháp và *Tuyên ngôn độc lập*trở thành một văn bản pháp lý nổi tiếng.

- Sau đó, Người bắt tay xây dựng hiến pháp dân chủ, tổ chức TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu, thành lập Uỷ ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cuối năm 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Đây là *Chính phủ hợp hiến đầu tiên* do nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết các vấn đề đối nội và đối ngoại. (vì vậy, quân đội Tưởng và đại diện Đồng minh khi vào Việt Nam đã phải làm việc với Chính phủ Hồ Chí Minh).

*a2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống*

- Theo Hồ Chí Minh, nhà nước dân chủ Việt Nam không thể thiếu pháp luật. Vì pháp luật là *bà đỡ*cho dân chủ. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng hiến pháp và pháp luật; và ngược lại, hệ thống pháp luật phải đảm bảo cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

- Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đảm bảo được việc thực thi quyền lực của nhân dân.

+ Năm 1919, Người đã khẳng định vai trò của pháp luật là: Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.

+ Người có công lớn trong sự nghiệp lập hiến, lập pháp của nước ta. Người luôn chăm lo hoàn thiện hệ thống pháp luật. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần đứng đầu Uỷ ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp 1946 và 1959), đã ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác. (Theo tài liệu của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, tháng 3 - 1993).

- *Phải đưa pháp luật vào đời sống một cách sâu rộng*.

Theo Người, công bố luật mới chỉ là bước đầu, phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện luật được tốt. Những biện pháp cơ bản cần làm là:

+ Cán bộ nhà nước phải là gương về tuân thủ pháp luật (trước hết là cán bộ trong ngành tư pháp và hành pháp).

+ Coi trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hoá chính trị và tính tích cực công dân; khuyến khích nhân dân tham gia vào công việc của nhà nước, phê bình, giám sát công việc của nhà nước, khắc phục mọi thứ dân chủ hình thức, “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”[[1]](file:///D:\\phanmem\\phanmem\\HDOT-TTHCM-NgHgDT-2012.doc" \l "_ftn1" \o ").

 + Pháp luật phải xét xử công bằng, nghiêm minh, “phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề gì”2.

*a3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài*

- Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức. Người coi cán bộ nói chung “là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

- Người quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức, vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý và hoạt động có hiệu quả. Những tiêu chuẩn của đội ngũ này, theo Người là:

+ Tuyệt đối trung thành với cách mạng.

+ Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Hồ Chí Minh hiểu rõ xu hướng quan liêu hoá khó tránh khỏi của bộ máy nhà nước, nên Người luôn nhắc nhở công chức nhà nước phải gần dân, trọng dân, không được “lên mặt quan cách mạng” với dân, phải lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Chỉ có trí tuệ và lòng dân mới có thể làm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ, sáng suốt.

+ Cán bộ công chức là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”.

+ Phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của nhà nước.

- Các biện pháp cơ bản trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức;

+ Đẩy mạnh đào tạo;

+ Tìm kiếm nhân tài;

+ Biết sử dụng cán bộ vào đúng nội dung và tài năng của họ;

+ Xây dựng quy chế công chức và tổ chức thi tuyển công chức.

- Để đảm bảo công bằng và dân chủ trong tuyển dụng cán bộ nhà nước, Người ký sắc lệnh ban hành Quy chế công chức. Công chức theo chế độ chức nghiệp, vì vậy phải qua thi tuyển công chức để bổ nhiệm vào ngạch, bậc hành chính. *Nội dung thi tuyển khá toàn diện bao gồm 6 môn thi*: chính trị, kinh tế, pháp luật, địa lý, lịch sử và ngoại ngữ. Điều này thể hiện tầm nhìn xa, tính chính quy hiện đại, tinh thần công bằng dân chủ ... của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền móng cho pháp quyền Việt Nam.

***b. Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả***

*b1. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước*

Xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho Nhà nước luôn luôn trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh thường chỉ rõ những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng, khắc phục:

*- Đặc quyền, đặc lợi*

Phải chống thói cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, lợi dụng chức quyền để vơ vét cho cá nhân.

*- Tham ô, lãng phí, quan liêu*

Hồ Chí Minh coi đây là những “giặc nội xâm”, “giặc trong lòng”, thứ giặc còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm. Quan điểm của Người là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến… Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”[[2]](file:///D:\\phanmem\\phanmem\\HDOT-TTHCM-NgHgDT-2012.doc" \l "_ftn2" \o ").

Mác và Ăngghen đã từng cảnh tỉnh giai cấp vô sản rằng chủ nghĩa quan liêu có thể dẫn các đảng cộng sản cầm quyền đến chỗ “đánh mất một lần nữa chính quyền vừa giành được”. Lênin cũng viết “... chúng ta bị khốn khổ trước hết về tệ quan liêu. Những người cộng sản đã trở thành tên quan liêu. Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó”.

Vì vậy không thể nói đến một nhà nước trong sạch vững mạnh, hiệu quả nếu không kiên quyết, thường xuyên đẩy mạnh cuộc đấu tranh để ngăn chặn tận gốc những nguyên nhân  gây ra nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

- *Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo*

Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè kéo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình không tài cán gì cũng kéo vào chức này, chức nọ; còn những người có tài, có đức nhưng không vừa lòng mình thì trù dập, đẩy ra ngoài. Đó là những hành động gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác.

*b2. Tăng cường tính ngiêm minh của pháp luật di đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng*

- Đạo đức và pháp luật vốn có quan hệ khăng khít với nhau, luôn kết hợp, bổ sung cho nhau trong điều chỉnh hoạt động của con người.

Do tập quán của dân ta là kinh tế tiểu nông nên muốn hình thành ngay một nhà nước pháp quyền là chưa được. Vì vậy, một mặt phải nhấn mạnh vai trò của luật pháp, đồng thời tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân nhất là *giáo dục đạo đức*.

- Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử.

“Phép trị nước” của Hồ Chí Minh là kết hợp cả “pháp trị” và “đức trị - nhân trị”; “pháp trị” rất nghiêm khắc, công minh và “đức trị - nhân trị” cũng rất tình người, bao dung, thấu tình đạt lý.

Ví dụ: Trong Quốc lệnh do Người ban hành ngày 26/1/1946, đã đưa ra 10 điều khen thưởng (đức trị) và 10 hình phạt (pháp trị). Trong 10 điều khen thưởng, Điều 3 “Ai vì nước hi sinh sẽ được thưởng”, Điều 5 “Ai làm việc công một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng”, Điều 6 “Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng”. Trong 10 điều hình phạt, Điều 1 “Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử”, Điều 6 “Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử”, Điều 8 “Trộm cắp của công sẽ bị xử tử”.

Thực tế đó cho thấy rằng, Hồ Chí Minh là một nhà lập pháp sắc sảo, đồng thời là một nhà hành pháp nghiêm minh. Pháp quyền trong tư tưởng của Người là *pháp quyền nhân nghĩa* rất đặc sắc.

***c. Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền đối với việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay****.*

*c1) Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân*

Nhà nước phải đảm bảo quyền làm chủ thật sự của nhân dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Trong vấn đề này, việc mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cướng pháp chế xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng. Chính vì vậy, quyền làm chủ của nhân dân phải được thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào cuộc sống.

*c2) Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước*

Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực cho nhân dân và công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Kiên quyết khắc phục thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, tham nhũng, bộ máy cồng kềnh, kém hiệu lực. Chú trọng và tiến hành thường xuyên công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức.

*c3) Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước*

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở những nội dung như: Lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng; đảm bảo sự lãnh đạo cảu Đảng và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bằng cách Đảng lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan Nhà nước, bằng vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong bộ máy Nhà nước, bằng công tác thanh tra, kiểm tra, Đảng không làm thay công việc quản lý của Nhà nước.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 12, tr.223

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.641

3. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.490

<https://loigiaihay.com/quan-niem-cua-ho-chi-minh-ve-nha-nuoc-phap-quyen-c124a20263.html>

*Quan niệm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền?*

Trả lời:

Nói tới nhà nước pháp quyền là nhấn mạnh tính tối thượng, vị trí, vai trò của pháp luật. Vì vậy có nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cái khác nhau là ở tính từ của khái niệm “pháp quyền”. Quan niệm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quan niệm của Hồ Chí Minh có các nội dung chính sau đây:

Một là, Hồ Chí Minh quan tâm tới nhà nước pháp quyền từ sớm, khi chưa phải là người cộng sản. Năm 1919. Trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam do Người ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) đã nêu yêu cầu cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người Âu châu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”. “Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng các đạo luật”. Trong Việt Nam yêu cầu ca, một cách chuyển thể Yêu sách của nhân dân An Nam thành văn vần. có đoạn:

“Một xin tha kẻ đồng bào

Vì chưng chính trị mắc vào tù giam.

Hai xin phép luật sửa sang.

Người Tây, người Việt hai phương cùng đồng.

Những tòa đặc biệt bất công,

Giám xin bỏ dứt rộng dung dân lành.

Ba xin rộng phép học hành.

Mở mang kỹ nghệ lập thành công thương.

Bốn xin được phép hội hàng,

Năm xin nghĩ ngợi nói bàn tự do.

Sáu xin được phép lịch du,

Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình.

Bảy xin hiến pháp ban hành.

Trăm đều phải có thần linh pháp quyền.

Tám xin được cử nghị viên,

Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ dân”[1].

Hai là, xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến.

Một trong những quan tâm của Hồ Chí Minh là nhà nước ra đời từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám phải là nhà nước hợp pháp, hợp hiến. Chính vì vậy ngay khi cách mạng vừa thành công. Hồ Chí Minh đã muốn toàn thể dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới biết và ghi nhận sự kiện này một cách chính đáng, công khai. Người đã chuẩn bị sớm cho việc dự thảo Tuyên ngôn độc lập. Chỉ một ngày sau khi đến ở số nhà 48 Hàng Ngang, trong cuộc họp Thường vụ Trung ương ngày 26-8-1945, Người đề nghị chuẩn bị ra Tuyên ngôn độc lập và tổ chức míttinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập Chính phủ dân chủ cộng hòa. Người nhấn mạnh những việc cần làm ngay trước khi quân đội Tưởng vào Đông Dương tước vũ khí của quân đội Nhật. Chỉ trong vòng khoảng 5 ngày, Người đã hoàn thành bản Tuyên ngôn độc lập. Đọc Tuyên ngôn độc lập chính là khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuyên bố với thế giới rằng nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập. và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập.

Một ngày sau, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ. Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội, có Quốc hội sẽ lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức của Nhà nước mới.

Cuộc Tống tuyển cử được tiến hành ngày 6-1-1946 đã thể hiện tinh thần dân chủ, bình đẳng; đã bầu ra được những đại biểu ưu tú vào Quốc hội. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước Chính phủ liên hiệp kháng chiến ra đời. Đây là Chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của nhân dân bầu ra có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề đối nội và đối ngoại của Nhà nước Việt Nam mới.

Ba là, tăng cường tính nghiêm minh, hiệu quả của pháp luật và tăng cường giáo dục đạo đức.

Tính nghiêm minh, hiệu quả của pháp luật trước hết thể hiện ở khâu soạn thảo Hiến pháp. Hồ Chí Minh đã có công hiến lớn trong việc soạn thảo Hiến pháp 1946 và 1959. Nhưng một việc làm hết sức quan trọng là đưa Hiến pháp và pháp luật vào cuộc sống. Hồ Chí Minh chú ý xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyển làm chủ thật sự của nhân dân. Nền pháp chế đó có hiệu lực với tất cả mọi cơ quan nhà nước và cá nhân. Hồ Chí Minh luôn luôn nêu một tấm gương sáng trong việc sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Nhà nước pháp quyền chứa đựng nội dung khoa học của pháp luật. Vì vậy, Hồ Chí Minh quan tâm tới việc giáo dục pháp luật cho mọi người, phát huy tính tích cực chính trị của công dân, khuyến khích nhân dân tham gia vào các công việc của nhà nước. Nâng cao dân trí để nhân dân hiểu pháp luật, hiểu quyền lợi và làm tốt nghĩa vụ công dân. Thực thi pháp luật là dân chủ và dân chủ là một biểu hiện của pháp luật. Người thường nhắc nhở làm sao cho mọi người biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân có năng lực làm chủ, dám nói, dám làm. Đây là một khía cạnh của văn hóa chính trị.

Trong khi chú trọng tính nghiêm và minh của pháp luật như “pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào và làm nghề nghiệp gì”, hoặc “không vì công mà quên lỗi vì lỗi mà quên công”, Hồ Chí Minh rất chú trọng tới giáo dục đạo đức. Theo Người, đối với những người do chế độ cũ để lại như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu. Nhà nước phải dùng vừa pháp luật vừa giáo dục đạo đức để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở nên những người lương thiện. Sự kết hợp “đức trị" với “pháp trị” là một nét đặc sắc trong tư tưởng vá cách làm của Hồ Chí Minh.

**1.Thành tựu của gần 30 năm đổi mới:**

     Gần 30 năm đổi mới là một chặng đường lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của đất nước và dân tộc Việt Nam. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, là sự nghiệp  cách mạng to lớn của nhân dân Việt Nam vì “một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (Hồ Chí Minh), góp phần vào mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của thời đại.

     - Nhận thức lýluận về chủ nghĩa xãhội vàconđườngđi lên chủ nghĩa xãhội của Việt Nam:

Trong quá trình đổi mới, nhờ nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát tình hình thực tiễn thế giới và trong nước, từng bước tổng kết thực tiễn khái quát lý luận, khắc phục những quan điểm ấu trĩ, giáo điều, cực đoan, duy ý chí và bảo thủ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nâng cao nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Qua gần 30 năm đổi mới với 6 nhiệm kỳ đại hội Đảng, mỗi kỳ đại hội đánh dấu một bước tiến rõ rệt trong nhận thức lý luận của Đảng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại… trên con đường đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu lý luận về chủ nghĩa xã hội, về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện tập trung trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá đội lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định tám đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; cón nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trên thế giới”. Cương lĩnh cũng xác định tám phương hướng cơ bản và tám mối quan hệ lớn cần phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt. Có thể coi đó là đường lối chung để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

      - Xây dựng vàphát triển nền kinh tế thị trườngđịnh hướng xãhội chủ nghĩa;đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiệnđại hóađất nước:

     Bước vào công cuộc đổi mới, Đảng xác định phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.

     Đảng ta đã quyết định từ bỏ mô hình tập trung bao cấp, chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh, bình đẳng, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông  nghiệp, dịch vụ, coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới . Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời, tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng nền kinh tế độ lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

      Nhờ có đường lối phát triển kinh tế đúng đắn và giải pháp phù hợp, trong gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu phát triển kinh tế gây ấn tượng, được thế giới đánh giá cao, sức mạnh kinh tế của đất nước tăng lên nhiều. Sau 10 năm đổi mới (1996) đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội; sau 25 năm đổi mới (năm 2010) đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo kém phát triển, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình. Trong giai đoạn 2001- 2010, kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá thực tế đạt 101,6 tỷ USD gấp 3,26 lần so với năm 2000, năm 2011 khoảng 170 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1168 USD, năm 2014 ước tính khoảng 1900 USD/ người. Trong 5 năm 2011-2015, do sự tác động của khủng hoảng tài chính thê giới, suy thoái kinh tế toàn cầu nên  nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng GDP bị giảm sút. Tuy vậy, tốc độ tăng GDP bình quân vẫn ở mức khá, ước đạt 5,8%. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 5 năm 2006-2010 đạt gần 45 tỷ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng vốn ODA cam kết đạt trên 31 tỷ USD, gấn hớn 1,3 lần so với mục tiêu đề ra; giải ngân ước đạt khoảng 13,8 tỷ USD, vượt 17,5%. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng lên, khu vực nông nghiệp giảm xuống. Năm 2010, trong cơ cấu GDP, khu vực công nghiệp chiếm 41,1%, khu vực dịch vụ chiếm 38,3%, khu vực nông nghiệp chiếm 20,6%. Kết cấu hạ tầng ngày càng được xây dựng hiện đại, đồng bộ; nguồn nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng lên ( năm 2013 là 49%), đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

      - Phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấnđề xãhội:

     Đảng ta đã đề ra chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong  từng chính sách và từng bước phát triển. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực, là nguồn lực nội sinh của phát triển, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu văn hóa thế giới, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, làm phong phú hơn đời sống văn hóa, con người Việt Nam.

     Đảng ta đã quan tâm phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, coi phát triển giáo dục, đào tạo cùng với  khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Tiến hành đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học và ngành học. Mở rộng giáo dục mầm non 5 tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Phát triể mạnh dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

     Phát triển khoa học công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFT) vào tăng trưởng. Thực hiện đồng bộ 3 nhiệm vụ chủ yếu: Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng. Trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ từng bước phát triển kinh tế tri thức theo một số lộ trình hợp lý.

     Trong những năm đổi mới, Việt Nam đã rất quan tâm thực hiện các chính sác xã hội vì hạnh phúc của con người, coi đây là thể hiện tính ưu việt, bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa và cũng là khắc phục mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường. Chính sách xã hội bảo đảm và không ngững nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên xã hội về ăn, ở, đi lại, lao động, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Mỗi năm tạo bình quân 1,5 đến 1,6 triệu việc làm mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Xây dựng và triển khai Luật Việc làm; nghiên cứu xây dựng chương trình việc làm công.

Trong gần 30 năm đổi mới, chính sách nhất quán cuả Đảng và Nhà nước là giảm nghèo bền vững đi đôi với khuyến khích làm giàu  hợp pháp, chính đáng; chú trọng các chính sách giảm nghèo đối với các huyện nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước gỉam bình quân 1,5-2%/ năm. Năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm từ 60% trước đổi mới xuống còn 9,5%, năm 2013 còn 7,5%, phấn đấu đến năm 2015 còn dưới 5%. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam được Liên Hiệp quốc công nhận và đánh giá cao.

      Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, hệ thống cơ sở y tế được hình thành rộng khắp trong cả nước; số bác sĩ, số giường bệnh trên một vạn dân tăng nhanh. Hệ thống dịch vụ y tế ngày càng được nâng  cao chất lượng. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được đặc biệt quan tâm, đảm bảo mức sống người có công bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn cư trú. Đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tiếp cận và tham gia các loại hình bảo hiểm; mở rộng các hình thức cứu trợ xã hội; bảo đảm cung ứng một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, nhất là cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số.

      - Tăng cường mở rộng giao lưu vàhợp tác quốc tế, chủ động vàtích cực hội nhập quốc tế:

     Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đã phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa binh, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

    Nhờ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế bằng những chính sách phù hợp nên Việt Nam dã phát huy được nội lực, tranh thủ ngoại lực, tiếp thu những thành tựu về khoa học- công nghệ, về kinh tế trí thức, kinh nghiệm quốc tế, văn minh của nhân loại… để phát triển, hiện đại hóa lực lượng sản xuất, xây dựng đất nước. Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp để tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế, tham gia các quan hệ song phương và tổ chức đa phương như ASEAN, APEC, ASEM, WTO…, thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài (FDI,ODA), xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học-công nghệ, trình độ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao  với 170 nước ( trong đó xác lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước), quan hệ thương mại với 230 nước và vùng lãnh thổ, ký trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt nam ngày càng được nâng lên.

      Tăng cường xây dựngĐảng, xây dựng vàhoàn thiện Nhànước pháp quyền xãhội chủ nghĩa, phát huiy quyền làm chủ của nhân dân:

      Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất coi trọng công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Nội dung xây dựng Đảng bao gồm xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Mục đích nhằm xây dựng Đảng trong sạch ,vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; đẩy mạnh nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với tình hình mới; phòng và chống những nguy cơ lớn đối với một Đảng cầm quyền: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu, mất dân chủ và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên. Đảng khẳng định phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định nguyên tắc tập  trung dân chủ, kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ hoặc chủ quan, nóng vội, cực đoan.

        Đảng tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn đổi mới; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, khắc phực suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; đấu tranh chống âm mưu  và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Tổ chức việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong Đảng và nhân dân.

        Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm từng tổ chức, sáp nhập một số ban, bộ, ngành Trung ương để giảm bớt đầu mối, thực hiện cải cách hành chính trong Đảng, phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng.

        Chú trọng kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường công tác quản lý, phát triển đảng viên.

        Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ đồng bộ các khâu của công tác cán bộ (đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, sử dụng và chính sách cán bộ). Đổi mới và tăng cường công tác dân vận; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội.

        Việt Nam đã đẩy mạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; khẳng định nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công; phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã ban hành Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 và một loạt các bộ luật, luật và pháp lệnh theo hướng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đề cao vai trò tối cao của Hiến pháp, pháp luật trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, các cơ quan tư pháp và chính quyền địa phương các cấp.

        Ở Việt Nam việc đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, là động lực của sự ngiệp đổi mới. Dân chủ  gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và được thể chế hóa bằng pháp luật,. được pháp luật bảo đảm.

**2. Một số** **hạn chế** **và những vấn đề** **đặt ra:**

        Trong gần 30 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được, Việt nam cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam còn một số vấn đề chưa rõ, chưa sâu sắc hoặc chưa cụ thể.

        Trong những năm đổi mới, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, song kinh tế phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, chưa thật sự bền vững, đặc biệt trong 10 năm gần đây. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, hệ thống thị trường hình thành và phát triển chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ và hiện đại đang cản trở sự phát triển; việc tạo nền tảng để trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại còn chậm và gặp nhiều khó khăn.

        Trên lĩnh vực phát triển văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường, còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý phát triển xã hội chưa được nhận thức và giải quyết có hiệu quả. Đạo đức xã hội có một số mặt xuống cấp; văn hóa phẩm độc hại, lai căng tác động tiêu cực đến đời sống  tinh thần của xã hội; tài nguyên bị khai thác bừa bãi, môi trường sinh thái bị ô nhiễm, biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng tác động đến Việt Nam gây hậu quả nặng nề; trên một số mặt, một số lĩnh vực, người dân chưa được thực hưởng đầy đủ, công bằng thành quả đổi mới.

        Trên lĩnh vực chính trị và hệ thống chính trị, đổi mới chính trị còn chậm, chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, nhất là đổi mới về tổ chức, thể chế, cơ chế, chính sách. Hệ thống chính trị còn cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa ngang tầm với nhiệm vụ.Biên chế của hệ thống chính trị ngày càng tăng lên, nhưng chất lượng công  vụ thấp.

        Việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tuy có nhiều tiến bộ song cũng còn nhiều hạn chế. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước còn nhiều bất cập. Số văn bản luật ngày càng tăng nhưng hiệu lực pháp luật chưa cao, việc phát huy dân chủ chưa đi liền với bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, pháp luật. Hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước còn nhiều hạn chế, cải cách hành chính còn chậm trễ, cải cách tư pháp còn lúng túng.

        Mặc dù Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ra nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, song công tác xây dựng Đảng chưa có nhiều chuyển biến cơ bản trong tình hình mới. Chưa có những giải pháp hiệu quả để ngăn chăn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liệu, tiêu cực xã hội còn diễn ra nghiêm trọng. Công tác tư tưởng- lý luận, công tác tổ chức- cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, công tác dân vận còn nhiều bất cập. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chậm đổi mới. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn thấp, quản lý đảng viên chưa chặt chẽ; chế độ trách nhiệm không rõ ràng, nhất là của người đứng đầu.

        Những hạn chế trên đây làm cho Đảng chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, chưa ngang tầm nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến lòng tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

        Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, Đảng phải đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận- thực tiễn do công cuộc đổi mới đặt ra:

        - Vấnđề xácđịnh lộ trình vàbướcđi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xãhộiở Việt Nam:

        Đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, Việt Nam phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều chặng đường phát triển. Cho đến nay, Việt Nam đã hoàn thành chặng đường đầu tiên và đang trong chặng đường tiếp theo  là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tạo nền tảng sớm đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, từ đây cho đến khi kết thúc thời kỳ quá độ để trở thành một nước xã hội chủ nghĩa, Việt Nam còn phải trải qua bao nhiêu chặng đường, nội dung kinh tế- xã hội của từng chặng đường là gì? Chỉ có đẩy mạnh nghiên cứu lý luận- thực tiễn để giải đáp những câu hỏi đó một cách có căn cứ khoa học thì mới có chính sách cho từng chặng đường và cho cả thời kỳ quá độ, phòng ngừa và khắc phục tư duiy giản đơn, chủ quan nóng vội trong lãnh đạo, quản lý đem mục tiêu xa áp đặt cho mục tiêu gần.

- Vấnđề xây dựng nền kinh tế thị trường hiệnđại, hội nhập quốc tế vàbảođảmđịnh hướng xãhội chủ nghĩa.

        Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần được xây dựng theo yêu cầu nền kinh tế thị trường hiện đại. Cần nghiên cứu làm sáng tỏ hơn việc tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường như thế nào để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa ? Vai trò của thị trường đến đâu trong việc phân bổ tài nguyên, phân bổ các nguồn lực trong điều kiện hội nhập quốc tế.

        Cần tiếp tục nghiên cứu vai tro của kinh tế Nhà nước, nhất là các doanh nghiệp nhà nước, những giải pháp để kinh tế nhà nước thực sự đóng góp vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân; những giải pháp củng cố và phát triển kinh tế tập thể. Nhà nước cần đổi mới, bổ sung cơ chế, chính sách nhất là thể chế pháp luật để bảo đảm sự bình đăng thực sự của kinh tế tư nhân với các thành phần kinh tế khác, phát huy mạnh mẽ hơn vai trò động lực của kinh tế tư nhân.

        - Vấnđề môhình vàphương thức quản lýphát triể xãhội:

        Cần nghiên cứu làm rõ mô hình xã hội Việt Nam hướng đến là mô hình xã hội đoàn kết, đồng thuân, hài hòa, xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó tầng lớp trung lưu sẽ ngày càng chiếm số động trong xã hội. Chủ động quản lý phân tầng xã hội, quản trị sự biến đổi xã hội, có chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa đồng bộ để cải thiện điều kiệnsống của nhân dân, chủ động xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý trên cơ sở phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

       - Vấnđề đổi mớiđồng bộ giữa chính trị vàkinh tế:

Hiện nay, đổi mới chính trị (tư duy chính trị và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị) còn chậm hơn so với đổi mới kinh tế. Vì vậy phải đẩy mạnh đổi mới chính trị cho đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế, tập trung vào đổi mới thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách, phương thức huy động và phân bổ nguồn lực, kiểm soát quyền lực và phát huy các động lực của phát triển.

- Vấnđề xây dựng hệ giátrị văn hóa vàcon người Việt Nam:

Để định hướng đúng đắn cho việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong giai đoạn mới, cần đẩy mạnh nghiên cứu xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam. Cần nghiên cứu làm rõ hơn các tiêu chí về tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học. Tiếp tục nghiên cứu những tiêu chí cụ thể của con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

- Vấnđề đảng cầm quyền:

Cần tiếp tục làm sáng tỏ lý luận về đảng cầm quyền trong điều kiện một đảng để thực sự đổi mới trong thực tiễn về nội dung cầm quyền, phương thức cầm quyền, mô hình cầm quyền, các điều kiện để cầm quyền bền vững, hiệu quả.

Cần nghiên cứu những giải pháp có hiệu quả để chống suy thoái trong Đảng, phòng chống “tự diễn biến”,  “tự chuyển hóa” nội bộ.

- Vấnđề động lực củađổi mới vàphát triển Việt Nam trong thời kỳ mới:

Để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, cần phải phát huy mạnh mẽ các động lực. Muốn vậy phải nghiên cứu sâu lý luận về động lực và hệ động lực phát triển, đặc biệt nhận thức đúng và xử lý tốt các động lực như lợi ích, dân chủ, đoàn kết yêu nước, phát huy nhân tố con người…

Các động lực đó tác động lẫn nhau, tạo thành động lực tổng hợp thúc đẩycông cuộc đổi mới của Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. **(Nguồn: Hộiđồng Lýluận Trungương)**